



ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA MỚI

ThS. TRẦN THỊ YẾN
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 đã chỉ rõ: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp (PP), cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện”.

Theo quy định của quyết định 404/QĐ-TTg, sách giáo khoa (SGK) mới của giáo dục tiểu học ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS) bao gồm: SGK chung của cả nước; SGK điện tử và SGK song ngữ của một số môn học ở tiểu học. Vì vậy, trong thời gian ba năm, đội ngũ giáo viên (GV) tiểu học công tác ở vùng DTTS phải được đào tạo, bồi dưỡng để có đủ kiến thức và năng lực thực hiện nội dung của ba loại SGK trên. Việc tập huấn, bồi dưỡng GV để thực hiện chương trình mới, SGK mới đối với lớp 1 (năm học 2018-2019) được thực hiện theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bài viết đề cập tới việc đề xuất một số giải pháp bồi dưỡng GV tiểu học người DTTS nhằm hỗ trợ việc thực hiện SGK song ngữ.

2. Thực trạng đội ngũ GV tiểu học và GV tiểu học người DTTS

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê (xem Bảng 1), số lượng GV tiểu học người DTTS tăng dần và chiếm tỉ lệ 11-12% tổng số GV tiểu học cả nước (dân số DTTS chiếm khoảng 14%).

Hầu hết GV tiểu học người DTTS công tác tại các trường tiểu học ở vùng DTTS và miền núi là lực lượng chủ yếu quyết định đến chất lượng giáo dục tiểu học ở đó. Về cơ bản, trình độ đào tạo đội ngũ GV người DTTS đạt chuẩn và trên chuẩn. Khi thực hiện SGK mới ở vùng DTTS và miền núi, đặc biệt là SGK song ngữ, phần lớn GV tiểu học kể cả GV người DTTS gặp nhiều khó khăn bởi nhiều nguyên nhân: GV người dân tộc Kinh không biết tiếng DTTS; GV người DTTS biết nghe, nói tiếng dân tộc nhưng năng lực đọc, viết còn hạn chế. Từ đó, việc bồi dưỡng kiến thức và năng lực để đội ngũ GV có thể thực hiện được SGK tiểu học mới là cần thiết và quan trọng.

3. Giải pháp bồi dưỡng GV tiểu học người DTTS để thực hiện chương trình, SGK mới

3.1. Bồi dưỡng tiếng dân tộc cho GV tiểu học người DTTS

Để thực hiện SGK song ngữ, GV cần có năng lực tiếng dân tộc (với dân tộc có chữ viết: Mông, Jrai, Khmer, Chăm,...). Giải pháp lâu dài là chiến lược đào tạo tiếng

Bảng 1: Số lượng GV tiểu học người DTTS

	Năm 2008		Năm 2010		Năm 2012		Ghi chú
	TS	DTTS	TS	DTTS	TS	DTTS	
GV tiểu học	349.695	38.763	365.772	42.478	381.432	47.096	
Tỉ lệ (%) DTTS		11,08		11,61		12,34	

dân tộc cho GV trong các cơ sở đào tạo GV tiểu học. Trước mắt, bồi dưỡng tiếng dân tộc cho đội ngũ GV người DTTS và một bộ phận GV đã có năng lực đọc, viết tiếng dân tộc. Các Sở Giáo dục và Đào tạo vùng DTTS và miền núi có kế hoạch rà soát đội ngũ GV tiểu học người DTTS, lựa chọn số lượng GV người DTTS đủ đáp ứng thực hiện SGK mới ở lớp 1 năm học 2018-2019. Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc cho đội ngũ GV được lựa chọn làm cốt cán trong việc thực hiện chương trình và SGK tiểu học mới.

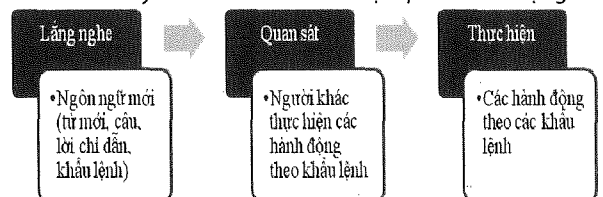
Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc cho GV cần được thực hiện theo hai hình thức tập trung và bán tập trung. Ngoài ra, GV tự bồi dưỡng cũng hết sức quan trọng như giao tiếp với cộng đồng, phụ huynh, GV, học sinh (HS)... làm tăng khả năng tiếng dân tộc của bản thân. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chỉ đạo cụ thể với HS tộc người nào sẽ có SGK song ngữ để các địa phương chủ động trong đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc cho GV chuẩn bị thực hiện SGK mới.

3.2. Bồi dưỡng PP dạy tiếng Việt cho HS DTTS với tư cách là ngôn ngữ thứ hai

Đối với HS người dân tộc, việc tiếp thu những tri thức, kĩ năng tiếng Việt là hoàn toàn mới bởi tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt là hai ngôn ngữ khác nhau. Do vậy, GV cần được bồi dưỡng PP này khi thực hiện dạy học SGK song ngữ. Tập trung bồi dưỡng cho đội ngũ GV tiểu học người DTTS nắm hai PP cơ bản được thực hiện trong PP dạy học tiếng Việt với tư cách ngôn ngữ thứ hai đó là: PP trực quan hành động và PP sử dụng tiếng mẹ đẻ (tiếng dân tộc).

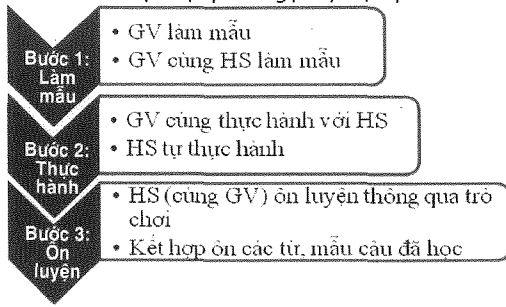
Đối với PP trực quan hành động, khi bồi dưỡng cần cho GV nắm được ba yếu tố cơ bản (xem Hình 1).

Hình 1: Ba yếu tố cơ bản của PP trực quan hành động

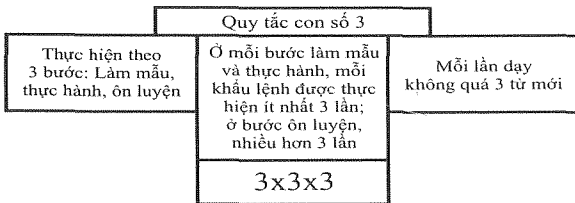


Các yếu tố trên cần được kết hợp đồng thời với nhau trong suốt quá trình thực hiện PP theo ba bước: Làm mẫu, thực hành, ôn luyện (xem Hình 2).

Hình 2: Ba bước thực hiện phương pháp trực quan hành động



Những nội dung liên quan đến PP trực quan hành động cho GV: đó là tuân thủ theo quy tắc “con số 3”:



Đối với PP sử dụng tiếng mẹ đẻ, GV cần nắm được cách sử dụng PP này là: Sử dụng kiến thức – kĩ năng tiếng mẹ đẻ của HS để dạy học tiếng Việt (Việc dạy học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ hai đối với HS DTTS cần dựa trên kinh nghiệm học tiếng mẹ đẻ để học tiếng Việt; Vận dụng kinh nghiệm học tiếng mẹ đẻ để dạy học tiếng Việt (Khi dạy các bài học bằng tiếng Việt, GV cần dùng những kiến thức – kĩ năng tiếng mẹ đẻ để giúp HS hiểu chính xác nội dung bài học). GV cần chủ động xác định mối liên kết giữa việc học tiếng mẹ đẻ và việc học bằng tiếng Việt để tìm ra cách thức tổ chức các hoạt động học tập giúp HS học tốt hơn. Trong giờ học, GV cần lựa chọn đúng thời điểm và thời gian, tránh lạm dụng sử dụng tiếng mẹ đẻ. Hình thức bồi dưỡng PP này cho GV cần chú trọng tính thực hành theo phương châm “cầm tay chỉ việc”, tập trung vào hành động.

3.3. Bồi dưỡng PP dạy tiếng dân tộc cho HS DTTS với tư cách là ngôn ngữ thứ nhất

Nội dung bồi dưỡng PP này cho GV cần tập trung vào ba PP sau:

- PP thực hành giao tiếp (tập trung vào việc tạo dựng khả năng giao tiếp trong các tình huống khác nhau, với các mục đích khác nhau). GV cần nắm được cách thực hiện là: Sử dụng trong các hoạt động dạy nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt phù hợp với ngôn ngữ nói của tiếng Việt. Các tình huống giao tiếp như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, yêu cầu, xin phép,... trong các môi trường giao tiếp ở trường, gia đình, cộng đồng,...

- PP rèn luyện theo mẫu (thông qua các mẫu cụ thể để dạy học về các hiện tượng ngữ âm, từ vựng, từ ngữ, ngữ pháp, văn bản)... được sử dụng trong các giờ dạy tiếng và nhiều môn học.

- PP phân tích ngôn ngữ (thông qua việc mô tả, giảng giải, so sánh các đặc điểm ngôn ngữ trong hệ thống nhằm giúp HS hiểu sâu sắc về ngữ âm, từ vựng,

ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ). Cách thực hiện: HS tìm hiểu các hiện tượng ngôn ngữ, quan sát và phân tích các hiện tượng theo định hướng bài học để rút ra những nội dung lí thuyết hoặc thực hành cần ghi nhớ dưới sự tổ chức và hướng dẫn của GV. Tuy nhiên, GV cần tập trung vào ngôn ngữ.

3.4. Bồi dưỡng PP sử dụng tiếng Việt - tiếng dân tộc trong dạy học

GV cần nắm được cách thực hiện ba PP chính là:

- PP sử dụng tiếng mẹ đẻ gồm: Sử dụng tiếng mẹ đẻ để dẫn nhập, tạo hứng thú cho HS (thảo luận/nói những điều mình biết/tìm những bài hát, bài thơ/chơi một trò chơi,... liên quan đến nội dung bài học bằng tiếng mẹ đẻ để HS giải tỏa tâm trạng lo lắng, căng thẳng); Sử dụng tiếng mẹ đẻ giải nghĩa từ mới và khó; Sử dụng tiếng mẹ đẻ giải nghĩa câu khó; Sử dụng tiếng mẹ đẻ để giải thích nội dung của văn bản nhật dụng; Sử dụng tiếng mẹ đẻ để giải thích ý nghĩa nội dung của bài văn, câu chuyện; Sử dụng tiếng mẹ đẻ tổ chức trò chơi học tập làm câu nói chuyển sang chơi bằng tiếng Việt; Sử dụng tiếng mẹ đẻ chốt lại nội dung bài học;

- PP vào đề - ôn tập: Cách thực hiện PP này là sử dụng tiếng mẹ đẻ để thực hiện các hoạt động dẫn nhập và hình thành kiến thức mới; Sử dụng tiếng Việt để thực hiện các hoạt động thực hành, luyện tập, phát triển kiến thức mới; Sử dụng tiếng mẹ đẻ thực hiện các hoạt động củng cố và chốt lại nội dung bài học. GV cần nắm một cách khái quát của PP này theo bảng sau:

Bảng 2: Khái quát phương pháp vào đề - ôn tập

Tiếng mẹ đẻ	Tiếng Việt	Tiếng mẹ đẻ
- Dẫn nhập, giới thiệu bài mới. - Xác định nội dung, nhiệm vụ của bài học. - Giới thiệu và dạy khái niệm mới của bài học. - Giới thiệu các thuật ngữ mới của bài học.	Phát triển bài: - Nói các thuật ngữ mới, khái niệm mới,... - Thực hành các kiến thức và kĩ năng mới.	- Kiểm tra mức độ hiểu bài của HS. - Củng cố nội dung bài học. - Chốt lại nội dung cơ bản của bài học.

- PP luân phiên: PP được thực hiện theo một vòng tròn khép kín. Độ lớn của các vòng tròn tùy thuộc vào năng lực tiếng Việt của HS và nội dung của vấn đề. GV dựa vào khả năng tiếng Việt và sự tiếp nhận của HS để lựa chọn PP dạy học phù hợp. Nếu khả năng tiếng Việt của HS tương đối tốt thì số bài sử dụng tiếng Việt làm ngôn ngữ giảng dạy sẽ nhiều hơn, những bài có nội dung khó sẽ được dạy bằng tiếng mẹ đẻ.

Lưu ý: PP luân phiên chỉ nên thực hiện khi HS đã có trình độ tương đối tốt về tiếng Việt. GV cần lưu ý sử dụng nhiều đồ dùng trực quan khi dạy bằng tiếng Việt. Dạy một bài/cụm bài chỉ sử dụng tiếng Việt cũng là tập thói quen tiếp nhận kiến thức và tư duy bằng tiếng Việt cho HS, đòi hỏi các em phải nỗ lực trong các hoạt động lĩnh hội và phát triển kiến thức bài học. Tuy nhiên, nếu GV thấy HS gặp khó khăn thì cần phải thay đổi PP giúp HS hiểu bài. Hình thức bồi dưỡng ở PP này là sự kết hợp hình thức của hai PP trên do có những đặc điểm riêng của đội ngũ GV tiểu học người DTTS. Vì vậy, cần tiếp tục bồi dưỡng chú trọng vào việc tăng tính thực hành và thực hiện theo nhóm nhỏ.

4. Kết luận

Đội ngũ GV tiểu học người DTTS có vai trò quan trọng trong việc thực hiện đổi mới công tác giáo dục tiểu học ở vùng DTTS và miền núi. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và



năng lực cho đội ngũ GV là một công tác mang tính chất lâu dài và chiến lược. Chỉ khi GV có đủ điều kiện cần thiết về kiến thức và năng lực mới đảm bảo chương trình, SGK mới được thực hiện có hiệu quả, góp phần cải thiện chất lượng giáo dục tiểu học vùng DTTS và miền núi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nghị quyết 29 –NQ/TW về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.*
- [2]. Quyết định 404/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2015 về phê duyệt đề án *Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.*
- [3]. *Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ*, Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc –Unicef.

SUMMARY

The article proposes measures to foster elementary teachers in general, ethnic minority teachers in particular in order to enhance teachers' knowledge and competence, meeting performance requirements of new curriculum and textbooks, includes: *Fostering ethnic languages for elementary teachers from ethnic minorities; Fostering Vietnamese teaching method for ethnic minority pupils as a second language; Fostering ethnic languages teaching method for ethnic minority students as a first language; Fostering method using Vietnamese - ethnic languages in teaching.*

Keywords: Elementary teachers; ethnic minority; new textbooks.

BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC LỖI CHÍNH TẢ... (Tiếp theo trang 59)

dấu hỏi và sắc.

- R và gi không kết hợp với những vần bắt đầu bằng: Oa, oă, uă, oe, uê, uy (trừ roa trong cu roa): *Dọa nạt, doanh trại...*

4.4. Lỗi do không phân biệt s và x

Hiện tượng lẫn lộn s và x cũng do đặc điểm phát âm không phân biệt hai phụ âm này. HS có thể nhớ một số quy tắc phân biệt s và x như sau:

- Phụ âm s không có khả năng kết hợp với các vần được bắt đầu bằng: Oa, oă, oe, uê: *Xuê xòa, xoay xở, xoén xoét, xoắn xít...* chỉ có ngoại lệ kiểm soát.

- Từ láy âm có tất cả các tiếng đều là s hoặc x.
- Từ láy vần thường là chữ x: *Loãn xoăn, lòa xòa, bờm xòm, xoi mới...* (trừ lụp sụp).

- Về nghĩa trong tiếng Việt: Tên thức ăn thường viết bằng phụ âm x: *Xôi, xúc xích, Lạp xưởng, xa xiu, xa tế, củ xá...*; những từ chỉ luồng hơi đi ra viết với x: *Xi, xiu, xùy, xộp, xẹp...*; những từ chỉ nghĩa di chuyển xuống viết với s: *Suy sụp, sụt, sa sút, sút kém, sảy chân...*; những từ chỉ quan hệ ngữ pháp phân lớn đi với s: *Sấp, sẽ, sẵn, sự...*

4.5. Lỗi do không phân biệt được tr và ch

Lỗi này cũng do cách phát âm không phân biệt nhau. HS có thể nhớ một số quy tắc nhỏ để phân biệt tr và ch như sau:

- Tr không kết hợp với các vần bắt đầu bằng oa, oă, oe, uê: *Chênh choáng, loắt choắt, choai choai, choen choét, chơe chơe.*

- Từ láy âm phần lớn là ch. Những từ láy âm là tr rất ít thường có nghĩa là trơ: *Trùng trục, trơ trọi, trống trải, trần truồng, trơ trên, trắng trẻo, trũng trộ, trơ trụi, trọn trạo; hay có nghĩa trậm trễ: Trễ tràng, trì trệ, trù trừ, trục trục; có khoảng 10 từ: Trảng trối, trà trộn, tròn trặn, tròn trịa, trai tráng, trầm trồ, trần trọc, trần trờ...*

- Từ láy vần (trừ: *Trọc lóc, trọt lọt, trụi lụi, trệt lết*) còn lại là âm tiết có ch: *Chạng vạng, chênh vênh, chon von, chán ngán, cheo leo, chênh lệch, loai choai, lã chã, chạt vạt...*

- Về ý nghĩa: Những từ chỉ quan hệ gia đình viết bằng ch: *Cha, chú, chồng, chị, cháu, chắt, chứt, chít...*; những từ chỉ đồ dùng trong nhà (trừ cái *tráp*) viết bằng ch: *Chum, ché, chạn, chén, chai, chông, chiếu, chăn, chảo, chày, chổi, chậu, chính...*; những từ chỉ quan hệ ngữ pháp vị trí viết bằng: *Trên, trong, trước...*

- Trong từ láy vần, phụ âm đầu của âm tiết thứ nhất không phải là gi (hoặc không phải là âm tiết thiếu phụ âm đầu) thì phụ âm đầu của âm tiết thứ hai không thể

là n (trừ *khệ nệ, khúm núm*): *Khoác lác, khéo khéo, cheo leo; gian nan, gieo neo, áy náy, ào nào...*

- Những từ đồng nghĩa bắt đầu là nh, từ đó viết là l; những từ có từ gần nghĩa bắt đầu là đ (hoặc c / k), từ đó viết bằng n: *Hoa lài (nhài), lờ (nhỡ), lổ lảng (nhổ nhãng), lấp láy (nhấp nháy), lem luốc (nhem nhuộm),... này, nấy, nó.*

- Về ý nghĩa: Những từ có ý nghĩa chỉ hoạt động ẩn náu, chỉ phương hướng thường viết bằng N: *nấp, náu, né, nương, nép...*

5. Kết luận

Trên đây là những lỗi chính tả tiếng Việt thường mắc phải của HS dân tộc thiểu số và một số biện pháp khắc phục lỗi chính tả tiếng Việt cho các em. Những biện pháp này là một gợi ý để các thầy cô đang giảng dạy ở các trường tham khảo nhằm rèn luyện tốt hơn cho HS, đặc biệt tập trung chủ yếu là HS dân tộc Tày, Nùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
- [2]. Hoàng Trọng Canh, (1996), *Chữ Quốc ngữ với vấn đề rèn luyện chính tả ở trường phổ thông hiện nay.*
- [3]. Lê Trung Hoa, (2002), *Các lỗi chính tả, từ vựng ngữ pháp và cách khắc phục*, NXB Khoa học Xã hội.
- [4]. Lương Bền, (1973), *Về các lỗi phát âm tiếng Việt của học sinh người Tày.*
- [5]. Hoàng Văn Ma - Lục Văn Pảo, (1974), *Từ điển Việt - Tày - Nùng*, NXB Khoa học Xã hội.
- [6]. Hoàng Thảo Nguyên, (2000), *Phương pháp khắc phục lỗi chính tả cho học sinh tiểu học Thừa Thiên Huế*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

SUMMARY

The author examines spelling mistakes of Tay, Nung pupils at some primary schools in Cao Bang, Bac Kan provinces, on the language basis of periodic tests of students in grades 4, 5. Basing on Vietnamese features-mono-form, the author analyzes errors relating to initial sound, final sound, buffer sound, main sound and tone. Finally, the author looked at factors causing typos; then proposed solutions to stop pupils' spelling mistakes.

Keywords: Solutions; spelling mistakes; pupils; ethnic-minorities; primary education.